

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày 29 - 7 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng;

Ông Phạm Ngọc Dụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 25/6/2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-KDTM ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T; địa chỉ trụ sở: Số 1, đường TS 11 KCN T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn T - Giám đốc Công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nguyên N - Phó Giám đốc Công ty.

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất cơ khí T; địa chỉ trụ sở: X, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Đ - Giám đốc Công ty

Tại phiên tòa có mặt ông Trần Nguyên N, vắng mặt ông Đinh Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2017, Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T (Công ty Tr) và Công ty TNHH sản xuất cơ khí T (Công ty T) có ký hợp đồng nguyên tắc số 31/2017/THĐ. Trong hợp đồng hai bên đã thỏa thuận và thống nhất việc Công ty T đồng ý bán cho Công ty T các loại động cơ từ 01 đến 40 mã lực và phụ tùng, các loại hộp số thủy, hộp số giảm tốc, hộp số đảo chiều, động cơ xăng và các loại động cơ nhập khẩu linh kiện từ nước ngoài được nội địa hóa và lắp ráp tại Công ty T cùng một số mặt hàng khác. Hợp đồng có giá trị đến hết ngày 31/12/2018.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T đã giao hàng cho Công ty T theo thỏa thuận, có ký nhận hàng hóa giữa hai bên.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/4/2019, Công ty T vẫn còn nợ Công ty T số tiền là 167.900.580đ. Trong Biên bản làm việc ngày 17/4/2019, Công ty T cũng đã thừa nhận nợ Công ty T số tiền trên và cam kết trả nợ mỗi tháng là 20.000.000đ. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2019, Công ty T mới trả nợ cho Công ty T số tiền 55.000.000đ mà không thực hiện trả nợ theo đúng cam kết ngày 17/4/2019.

Công ty T đã nhiều lần gửi công văn nhắc nợ và đến trực tiếp làm việc với Công ty Thanh Hải yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty T vẫn không thanh toán hết số tiền đã nợ cho Công ty T. Do Công ty T không trả số tiền như đã cam kết nên Công ty T đã khởi kiện Công ty T ra Tòa án và yêu cầu Công ty T phải trả số tiền còn nợ 112.900.580đ.

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường thụ lý giải quyết vụ án, Công ty T đã tiếp tục chuyển trả nợ cho Công ty T hai lần, lần 1 trả số tiền 50.000.000đ vào ngày 12/5/2020 và lần 2 trả số tiền 30.000.000đ vào ngày 22/6/2020, tổng số tiền 80.000.000đ.

Như vậy, tính đến thời điểm Tòa án mở phiên tòa xét xử hôm nay, Công ty T còn nợ Công ty T số tiền 32.900.580đ (ba mươi hai triệu, chín trăm nghìn, năm trăm tám mươi đồng); Nay Công ty T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường buộc Công ty T phải trả hết số công nợ còn lại như trên, không yêu cầu lãi đối với Công ty T.

Đối với bị đơn, Công ty T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy báo để báo đương sự lên làm việc tại trụ sở Tòa án nhưng phía Công ty T đều không chấp hành. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp xuống trụ sở Công ty T để làm việc và gặp người đại diện theo pháp luật của Công ty T là anh Đinh Văn Đ - Giám đốc Công ty. Sau khi đại diện Tòa án giải thích quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, ông cho biết

Công ty đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án làm việc và có nói: Ai đòi nợ Công ty T thì đề nghị Tòa án làm việc với người đó, bản thân anh không làm việc với Tòa án và mời đoàn làm việc về rồi bỏ đi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; người đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nội dung: Căn cứ vào Điều 50 của Luật Thương mại; Điều 280, Điều 357, Điều 358 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T đối với Công ty TNHH sản xuất cơ khí T.

Buộc Công ty TNHH sản xuất cơ khí T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T số tiền 32.900.580đ (ba mươi hai triệu, chín trăm nghìn, năm trăm tám mươi đồng).

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn là Công ty Trần H được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc ngày 02/01/2017, Biên bản làm việc ngày 17/4/2019, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/4/2019 giữa hai Công ty thì xác định giữa Công ty T và Công ty T phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa là Công ty T bán cho Công ty T các loại động cơ từ 01 đến 40 mã lực và phụ tùng, các loại hộp số thủy, hộp số giảm tốc, hộp số đảo chiều, động cơ xăng và các loại động cơ nhập khẩu linh kiện từ nước ngoài

được nội địa hóa và lắp ráp tại Công ty T cùng một số mặt hàng khác. Việc ký kết và đối chiếu công nợ giữa các bên theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/4/2019, hai bên thống nhất số tiền Công ty T còn nợ Công ty T là 167.900.580đ. Theo các “Giấy báo có” của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thể hiện sau khi đối chiếu công nợ Công ty T đã nhiều lần thanh toán tiền hàng cho Công ty T. Tính đến ngày 31/12/2019 Công ty T đã trả cho Công ty T nhiều lần với tổng số tiền là 55.000.000đ và còn nợ số tiền 112.900.580đ. Từ đó xác định, tính đến ngày 31/12/2019 Công ty T còn nợ tiền mua hàng của Công ty T số tiền 112.900.580đ.

Sau ngày thụ lý vụ án 06/5/2020 đến trước khi mở phiên tòa ngày hôm nay, Công ty Thanh Hải đã tiếp tục thanh toán cho Công ty T hai lần với tổng số tiền 80.000.000đ, còn nợ 32.900.580đ. Nay Công ty T chỉ yêu cầu Công ty T trả số tiền 32.900.580đ, không yêu cầu lãi.

[3] Từ những phân tích nhận định, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ 32.900.580đ. Công ty T không yêu cầu lãi số tiền này với Công ty T nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn là Công ty T được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.820.00đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50 của Luật Thương mại; Điều 280; 357, 358 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T đối với Công ty TNHH sản xuất cơ khí T.

Buộc Công ty TNHH sản xuất cơ khí Th có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T số tiền 32.900.580đ (ba mươi hai triệu, chín trăm nghìn, năm trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất cơ khí T phải nộp số tiền 3.000.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH một thành viên Cơ khí T số tiền tạm ứng án phí 2.820.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0001733, ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

